

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện
Quý III năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 2024 cho các huyện, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 25/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thuận Nam về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2024,

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 376/TTr-PTCKH ngày 10/10/2024 về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Quý III năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Quý III năm 2024 của huyện Thuận Nam (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- UBND các xã;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Xuân Vỹ





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III/2024

(Kèm theo Quyết định số 1605 /QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn

- Thu ngân sách trên địa bàn quý III/2024 là 14,470 tỷ đồng, đạt 19% dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao, đạt 115% so với cùng kỳ năm 2023.

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 13,385 tỷ đồng, đạt 18% dự toán huyện giao, đạt 114% so với cùng kỳ năm 2023; các khoản thu địa phương hưởng 100% là 9,732 tỷ đồng đạt 17% dự toán huyện giao, đạt 106% so với cùng kỳ năm 2023; các khoản thu phân chia 3,653 tỷ đồng, đạt 22% dự toán huyện giao, đạt 146% so với cùng kỳ năm 2023.

- Còn nhiều khoản thu chưa đạt dự toán được giao (*trừ thu phí, lệ phí 0,466 tỷ đồng đồng, đạt 29% dự toán HĐND huyện giao, đạt 183% so với cùng kỳ năm 2023; thu khác ngân sách 1,813 tỷ đồng, đạt 33% dự toán HĐND huyện giao, đạt 196% so với cùng kỳ năm 2023*).

2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách quý III/2024 thực hiện 112,411 tỷ đồng, đạt 21% dự toán HĐND huyện giao, đạt 192% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi đầu tư công: 40,010 tỷ đồng, gồm có:

+ Chi từ tiền sử dụng đất 3,647 tỷ đồng, đạt 18% dự toán HĐND huyện giao, đạt 304% so với cùng kỳ năm trước.

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia 7,121 tỷ đồng, đạt 13% dự toán HĐND huyện giao (kể cả kế hoạch vốn năm trước chuyển sang), đạt 161% so với cùng kỳ năm trước.

+ Vốn tỉnh phân cấp 29,242 tỷ đồng, đạt 15% dự toán HĐND huyện giao (kể cả kế hoạch vốn năm trước chuyển sang và bổ sung trong Quý), đạt 2015% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi Chương trình mục tiêu và mục tiêu quốc gia (Vốn sự nghiệp).

+ Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 1,507 tỷ đồng, đạt 25% dự toán HĐND huyện giao,

+ Chương trình mục tiêu quốc gia: 6,312 tỷ đồng, đạt 30% dự toán HĐND huyện giao, đạt 139% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên: 64,582 tỷ đồng, đạt 29% dự toán HĐND huyện giao, đạt 138% so với cùng kỳ năm trước, đáp ứng nhu cầu chi của các cơ quan, đơn vị.

Trong đó: Chi an ninh - quốc phòng 1,960 tỷ đồng, đạt 46% dự toán giao; Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề 33,852 tỷ đồng, đạt 27% dự toán giao; chi sự nghiệp y tế 4,066 tỷ đồng, đạt 32% dự toán giao; chi bảo vệ môi trường 2,004 tỷ đồng, đạt 67% dự toán giao; chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể 15,217 tỷ đồng, đạt 29% dự toán giao; chi bảo đảm xã hội 6,109 tỷ đồng, đạt 37% dự toán giao.



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND huyện Thuận Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý III năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	77.550	14.910	19%	119%
I	Thu cân đối NSNN	77.550	14.470	19%	115%
1	Thu nội địa	77.550	14.470	19%	115%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		440		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	525.511	112.411	21%	192%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	250.747	68.229	27%	142%
1	Chi đầu tư phát triển (từ tiền sử dụng đất)	20.000	3.647	18%	304%
2	Chi thường xuyên	225.545	64.582	29%	138%
3	Dự phòng ngân sách	5.202		0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	274.764	44.182	16%	424%



NƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND huyện Thuận Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý III năm 2024	So sánh ước thực hiện (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	77.550	14.470	19%	115%
I	Thu nội địa	77.550	14.470	19%	115%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	4.000	198,0	4,95%	639%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	16.800	3.282	20%	147%
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.800	1.474	14%	58%
5	Thuế bảo vệ môi trường		-		
6	Lệ phí trước bạ	11.000	2.180	20%	96%
7	Thu phí, lệ phí	1.600	466	29%	183%
8	Các khoản thu về nhà, đất	27.800	5.057	18%	119%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		109		163%
-	Thu tiền sử dụng đất	20.000	4.355	22%	146%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	7.800	593	8%	49%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-		
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-		
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
11	Thu khác ngân sách	5.550	1.813	33%	196%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
13	Thu từ bán tài sản nhà nước				
II	Thu viện trợ		-		
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	72.550	13.385	18%	114%
1	Từ các khoản thu phân chia	16.600	3.653	22%	146%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	55.950	9.732	17%	106%



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND huyện Thuận Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý III năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	525.511	112.411	21%	192%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	250.747	68.229	27%	142%
I	Chi đầu tư phát triển	20.000	3.647	18%	304%
1	Chi đầu tư cho các dự án	20.000	3.647	18%	304%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	225.545	64.582	29%	138%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi an ninh - quốc phòng	4.244	1.960	46%	99%
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	125.309	33.852	27%	130%
3	Chi khoa học và công nghệ		0		
4	Chi y tế, dân số và gia đình	12.625	4.066	32%	225%
5	Chi văn hóa thông tin	1.021	243	24%	96%
6	Chi phát thanh, truyền hình	588	123	21%	104%
7	Chi thể dục thể thao	411	162	39%	121%
8	Chi bảo vệ môi trường	3.000	2.004	67%	349%
9	Chi hoạt động kinh tế	7.704	832	11%	114%
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	53.027	15.217	29%	124%
11	Chi bảo đảm xã hội	16.497	6.109	37%	200%
12	Chi khác ngân sách	1.119	14	1%	117%
III	Dự phòng ngân sách	5.202			

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý III năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	274.764	44.182	16%	424%
I	Chi các Chương trình mục tiêu nhiệm vụ	8.972	1.507	17%	6850%
1	Kinh phí hoạt động Ban an toàn giao thông	437	109	25%	495%
2	Quà tết cho đối tượng BTXH và hộ nghèo	738		0%	
3	Hỗ trợ chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các Hội có tính chất đặc thù các xã năm 2024 theo Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận	464	116		
4	Chi hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã	192	48		
5	Kinh phí đại hội dân tộc thiểu số, đại hội liên hiệp thanh niên, đại hội Mặt trận và các đại hội các hội đặc thù	400	100		
6	Kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin theo Quyết định số 87/2022/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận	12			
7	Chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý luân chuyển công tác năm 2024 trên địa bàn huyện theo Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND	143			
8	Chi thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo bác sĩ tuyến y tế cơ sở và chuyên ngành hiếm ngành y tế tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh về	63	3		
9	Kinh phí hỗ trợ hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn	367	92		
10	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh không đủ điều kiện hưởng chế độ bán trú thuộc các trường phổ thông dân tộc bán trú	156	39		

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý III năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
11	Chi mua sắm trang thiết bị các đơn vị cơ quan hành chính (lồng ghép thực hiện đề án 06) phân bổ sau	1.000	0		
12	Chi bổ sung một số nhiệm vụ của Huyện ủy, UBND và HĐND huyện	2.000	500		
13	Kinh phí sự nghiệp kinh tế	1.000	250		
14	Kinh phí quy hoạch Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Trung tâm hành chính và Khu Liên hợp đô thị - công nghiệp Thuận Nam đến năm 2040	1.000	0		
15	Kinh phí bổ sung thực hiện công tác thu gom vận chuyển rác thải năm 2024	1.000	250		
II	Chương trình mục tiêu quốc gia	75.826	13.433	18%	150%
	Vốn đầu tư	54.855	7.121	13%	161%
	Vốn sự nghiệp	20.971	6.312	30%	139%
1	Chương trình giảm nghèo bền vững	12.588	1.729	14%	50%
a	Vốn đầu tư	3.019	500	17%	31%
b	Vốn sự nghiệp	9.569	1.229	13%	68%
2	Chương trình xây dựng nông thôn mới	41.467	6.024	15%	184%
a	Vốn đầu tư	36.693	4.618	13%	174%
b	Vốn sự nghiệp	4.774	1.406	29%	228%
3	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	21.771	5.680	26%	253%
a	Vốn đầu tư	15.143	2.003	13%	1372%
b	Vốn sự nghiệp	6.628	3.677	55%	175%
III	Chi đầu tư thực hiện các dự án vốn đầu tư	189.966	29.242	15%	2015%

